TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 80/2025/DS-ST Ngày: 26 - 5 - 2025 V/v: "T/c hợp đồng mua bán TS"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2025/QĐST-DS ngày 06/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Phạm Thị Bé D, sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn*: Nguyễn Châu T, tên khác: B, sinh năm 1995
Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị Bé D trình bày:

Vào năm 2023, bị đơn là ông Nguyễn Châu T có mua vật liệu xây dựng của nguyên đơn gồm: Cát, đá, xi măng, sắt thép và gạch ống, với tổng giá trị khoảng 160.000.000 đồng. Quá trình mua bán, bị đơn có trả tiền nhiều lần khoảng 90.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 11 năm 2023 kết sổ thì bị đơn còn nợ 69.429.000 đồng. Sau khi kết sổ, nguyên đơn đã nhiều lần gặp trực tiếp, điện thoại và nhắn tin đòi nợ, nhưng bị đơn khất nợ nhiều lần mà không trả cho

nguyên đơn. Đến nay, khoản nợ trên bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn được khoản nào.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn là ông Nguyễn Châu T trả cho nguyên đơn số tiền là 69.429.000 đồng.

- Bị đơn là ông Nguyễn Châu Thanh vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Châu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của minh, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là các bản trích sao nội dung tin nhắn giữa nguyên đơn và bị đơn, nội dung các tin nhắn thể hiện: Phía nguyên đơn xác định bị đơn nợ số tiền 69.429.000 đồng, phía bị đơn không phản bác tin nhắn của nguyên đơn mà hứa sẽ chuyển trả trước cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng, chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ngược lại, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đưa ra ý kiến phản đối hay cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, chấp nhận ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn, về việc xác định bị đơn có mua vật liệu xây dựng của nguyên đơn nhiều lần và nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 69.429.000 đồng.

[3.2] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đòi bị đơn trả số nợ là 69.429.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 430, 431 và 440 của Bồ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Bé D. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Châu T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Bé D số tiền là 69.429.000 đồng (sáu mươi chín triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Châu T phải chịu 3.471.000 đồng (ba triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Bé D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.735.000 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001831 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng